

UBND TỈNH BẮC GIANG  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1529/SYT-TCCB  
V/v Xin ý kiến đóng góp dự  
thảo các đề án thành lập  
TTYT đa chức năng

Bắc Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2018

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài Chính;
- Sở Nội vụ.
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 ( khóa XII) ” Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “ Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

Sở Y tế đã xây dựng Dự thảo đề án: “Thành lập Trung tâm Y tế cấp huyện đa chức năng” trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa và Trung tâm dân số - KHHGD tuyến huyện, thành phố.

Để đảm bảo tiến độ trình UBND tỉnh theo kế hoạch , Sở Y tế đề nghị các Ngành, UBND các huyện, thành phố cho ý kiến đóng góp bằng văn bản về nội dung các đề án trên và gửi về Sở Y tế trước ngày 28/8/2018.

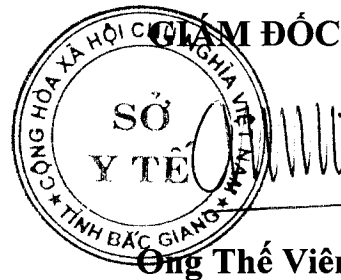
Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB.

**Bản điện tử:**

- LD Sở.



**DỰ THẢO**

**ĐỀ ÁN**

**Thành lập Trung tâm y tế cấp huyện đa chức năng trực thuộc Sở Y tế**  
*(Kèm theo Tờ trình số ...../TTr-SYT ngày 8/2018 của Sở Y tế)*

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Tỉnh Bắc Giang có 10 huyện, thành phố thuộc tỉnh. Hiện nay mỗi huyện, có 03 đơn vị y tế: Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, Trung tâm y tế 01 chức năng và trung tâm dân số - KHHGD, riêng Thành phố Bắc Giang có 02 đơn vị: Trung tâm Y tế (01 chức năng) và Trung tâm Dân số - KHHGD. Việc có nhiều đầu mối y tế trên địa bàn gây khó khăn trong việc chỉ đạo hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn, đồng thời phát sinh thêm các bộ phận quản lý, hành chính.

Thực hiện Nghị Quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( Khóa XII) về “ Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( Khóa XII) về “ Tiếp tục đổi mới hệ thống chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập” .

Thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 ( khóa XII)” Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “ Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

Hiện nay, nhiều tỉnh, thành phố đã triển khai thực hiện sáp nhập các đơn vị y tế tuyến quận, huyện, thành phố thành lập trung tâm y tế hai chức năng hoặc trung tâm y tế đa chức năng trước và sau khi có Nghị quyết Trung ương 6 ( khóa XII).

Việc sáp nhập các đơn vị để thành lập Trung tâm y tế huyện đa chức năng sẽ góp phần giảm đầu mối tổ chức, tập trung các nguồn lực nhằm nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật, quản lý sức khỏe người dân tại tuyến cơ sở, giảm sự chồng chéo trong quản lý, chỉ đạo các Trạm y tế cấp xã.

## **II- CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII: Nghị quyết số 18-NQ/TW về *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*; Nghị quyết số 19-NQ/TW về *“Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả các đơn vị sự nghiệp công lập”*; Nghị quyết số 20-NQ/TW về *“Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”*; Nghị quyết số 21-NQ/TW về *“Công tác dân số trong tình hình mới”*;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định về Y tế xã, phường, thị trấn;

- Quyết định số 2348/2016/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới;

- Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế – Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

- Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

- Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - KHHGD ở địa phương;

- Công văn số 1619/BYT-TCCB ngày 26/03/2018 của Bộ Y tế về việc kiện toàn hệ thống y tế ở địa phương theo Nghị quyết Trung ương 6, khóa XII;

- Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 ( khóa XII) ” Một số vấn đề tiếp tục đổi mới. sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “ Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

- Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 ( khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong thời kỳ mới;

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017, Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết

Trung ương 6 ( khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong thời kỳ mới;

- Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về Thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 ( khóa XII)” Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “ Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

- Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Giang,

## Phần II

### THỰC TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ TUYẾN HUYỆN

#### I. Thực trạng về mô hình tổ chức và nguồn nhân lực y tế tuyến huyện

##### 1. Thực trạng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy

###### 1.1. Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện

Bắc Giang có 8 bệnh viện đa khoa huyện và 01 bệnh viện Đa khoa khu vực ( gọi chung là bệnh viện đa khoa tuyến huyện)

09 Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện được thành lập theo các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang và bắt đầu đi vào hoạt động từ 01/01/2006

a) Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện bao gồm:

TT	Tên BVĐK	Số phòng chức năng	Số khoa chuyên môn	Ghi chú
1	BVĐK huyện Sơn Động	4	9	
2	BVĐK huyện Lục Nam	4	14	1 PKKV
3	BVĐK huyện Lạng Giang	4	11	
4	BVĐK huyện Yên Dũng	5	15	
5	BVĐK huyện Việt Yên	5	14	
6	BVĐK huyện Hiệp Hòa	6	12	
7	BVĐK huyện Yên Thế	4	14	01 PKKV
8	BVĐK huyện Tân Yên	7	13	
9	BVĐKKV Lục Ngạn	5	16	01PKĐK

**Trong đó các phòng chức năng bao gồm:**

- Phòng Tổ chức;
- Phòng Hành chính/ hành chính quản trị;
- Phòng Kế hoạch tổng hợp;

- Phòng Kế toán – tài chính;
- Phòng điều dưỡng.
- Một số BV có phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính ( 05 đơn vị)
- Một số BV có thêm 1 hoặc 2 phòng: Phòng quản lý chất lượng bệnh viện, phòng vật tư - Trang thiết bị y tế.
- Tùy từng bệnh viện: căn cứ vào cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, quy mô giường bệnh, cơ cấu bệnh tật mà có từ 9 -15 khoa chuyên môn.
- Có 03 bệnh viện có PKĐKKV: BVĐK huyện Yên Thế, BVĐK huyện Lục Nam và BVĐKKV Lục Ngạn.

***( Có phụ lục kèm theo)***

b) Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện thực hiện theo Quy chế Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế và một số Thông tư của Bộ Y tế, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Bệnh viện.

c) Xếp hạng bệnh viện: 9/9 Bệnh viện huyện đều đã được Chủ tịch UBND tỉnh xếp hạng II.

***1.2. Trung tâm y tế huyện, thành phố***

10 Trung tâm y tế ( TTYT) huyện, thành phố trước đây có tên là TTYT dự phòng huyện, thành phố ( từ 01/01/2006), đến tháng 4/2012 được đổi tên là TTYT huyện, thành phố . ***( Có quyết định thành lập và đổi tên kèm theo )***

***a) Về tổ chức bộ máy của Trung tâm y tế:***

\* Các phòng chức năng: Mỗi TTYT có từ 01- 02 phòng chức năng

- Phòng Hành chính tổng hợp;

- Phòng truyền thông giáo dục sức khỏe (02 đơn vị);

\* Các khoa chuyên môn:

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;

- Khoa Y tế công cộng / Khoa YTCC - XN

- Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm;/ Khoa ATVSTP – Xét nghiệm

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Khoa xét nghiệm ( 02 TTYT)

TT	Tên TTYT	Số phòng chức năng	Số khoa chuyên môn	Số trạm y tế
	<b>Tổng cộng</b>	12	41	<b>230</b>
1	TTYT huyện Sơn Động	1	3	23
2	TTYT huyện Lục Nam	1	4	27
3	TTYT huyện Lạng Giang	1	4	23
4	TTYT huyện Yên Dũng	2	5	21
5	TTYT huyện Việt Yên	2	5	19
6	TTYT huyện Hiệp Hòa	1	4	26
7	TTYT huyện Yên Thế	1	4	21
8	TTYT huyện Tân Yên	1	4	24
9	TTYT huyện Lục Ngạn	1	4	30
10	TTYT Thành phố Bắc Giang	1	4	16

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện theo Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương .

c) Xếp hạng đơn vị 10/10 Trung tâm y tế cấp huyện được Chủ tịch UBND tỉnh xếp hạng III.

d)TTYT huyện, thành phố chỉ đạo trực tiếp và toàn diện các TYT xã, phường, thị trấn. Mỗi xã, phường, thị trấn có 01 trạm y tế. Chức năng, nhiệm vụ của các TYT thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

### ***1.3. Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thành phố***

10 Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thành phố được thành lập theo Các Quyết định ngày 13/6/2008 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện trực thuộc Chi cục dân số - KHHGD tỉnh Bắc Giang. Năm 2012 đến nay 10 Trung tâm dân số - KHHGD chuyển nguyên trạng về UBND huyện, thành phố quản lý



Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Dân số - KHHGD cấp huyện thực hiện theo Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - KHHGD ở địa phương.

Về cơ cấu tổ chức: Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thành phố có Lãnh đạo Trung tâm : Giám đốc và từ 01- 02 Phó Giám đốc và các viên chức Các tổ chức trực thuộc: Mỗi TTYT có 02 ban ( Ban Hành chính tổng hợp và Ban truyền thông – dịch vụ KHHGD)

Trung tâm dân số - KHHGD chỉ đạo trực tiếp, toàn diện viên chức dân số xã. Mỗi xã, phường, thị trấn có 01 viên chức làm công tác dân số.

## 2. Thực trạng về biên chế và công chức, viên chức, lao động

### 2.1. Chỉ tiêu biên chế được giao và thực hiện

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao 2018			Nhân lực hiện có			
		Biên chế	HD 68	Nhân viên cấp xã	Biên chế	HD 68	HD khác	Nhân viên cấp xã
<b>I-</b>	<b>HUYỆN SƠN ĐỘNG</b>	<b>185</b>		<b>157</b>	<b>172</b>			<b>154</b>
1	BVĐK huyện Sơn động	144			134	7	0	
2	TTYT huyện Sơn động	35		134	33	1	0	133
3	TT Dân số huyện Sơn động	6		23	5		2	21
<b>II-</b>	<b>HUYỆN LỤC NGẠN</b>	<b>295</b>		<b>237</b>	<b>178</b>			<b>226</b>
4	BVĐK KV Lục Ngạn	251			237	6	26	
5	TTYT huyện Lục Ngạn	38		207	36	1	0	201
6	TT Dân số huyện Lục Ngạn	6		30	5		5	25
<b>III-</b>	<b>HUYỆN LỤC NAM</b>	<b>224</b>		<b>229</b>	<b>205</b>	<b>03</b>	<b>18</b>	<b>210</b>
7	BVĐK huyện Lục Nam	181			164	03	06	
8	TTYT huyện Lục Nam	37		202	35	0	0	195
9	TT Dân số huyện Lục Nam	6		27	6		12	15
<b>IV-</b>	<b>HUYỆN LẠNG GIANG</b>	<b>204</b>		<b>204</b>	<b>180</b>		<b>10</b>	<b>191</b>
10	BVĐK huyện Lạng Giang	162			145	02	08	

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao 2018			Nhân lực hiện có			
		Biên chế	HĐ 68	Nhân viên cấp xã	Biên chế	HĐ 68	HĐ khác	Nhân viên cấp xã
11	TTYT huyện Lạng Giang	36		181	31	2	0	170
12	TT Dân số huyện Lạng Giang	6		23	4		2	21
<b>V-</b>	<b>HUYỆN YÊN DŨNG</b>	<b>224</b>		<b>156</b>	<b>191</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>148</b>
13	BVĐK huyện Yên Dũng	182			152	14	13	
14	TTYT huyện Yên Dũng	36		135	33	3		129
15	TT Dân số huyện Yên Dũng	6		21	6		2	19
<b>VI-</b>	<b>HUYỆN VIỆT YÊN</b>	<b>218</b>		<b>148</b>	<b>109</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>126</b>
16	BVĐK huyện Việt Yên	175			168	6	0	
17	TTYT huyện Việt Yên	36		129	35	01	0	115
18	TT Dân số huyện Việt Yên	6		19	6		8	11
<b>VII-</b>	<b>HUYỆN TÂN YÊN</b>	<b>228</b>		<b>187</b>	<b>111</b>	<b>9</b>	<b>28</b>	<b>175</b>
19	BVĐK huyện Tân Yên	185			171	7	23	
20	TTYT huyện Tân Yên	37		163	35	2	1	155
21	TT Dân số huyện Tân Yên	6		24	5		4	20
<b>VIII-</b>	<b>THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>	<b>37</b>		<b>116</b>	<b>36</b>		<b>6</b>	<b>108</b>
22	TTYT TP. Bắc Giang	31		100	30	0	0	96
23	TT Dân số TP. Bắc Giang	6		16	6		5	12
<b>IX</b>	<b>HUYỆN HIỆP HÒA</b>	<b>241</b>		<b>228</b>	<b>128</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	<b>204</b>
24	BVĐK huyện Hiệp Hòa	197			188	12	32	
25	TTYT huyện Hiệp Hòa	38		202	34	03	01	190
26	TT Dân số huyện Hiệp Hòa	6		26	6		12	14
<b>X</b>	<b>HUYỆN YÊN THẾ</b>	<b>200</b>		<b>153</b>	<b>161</b>	<b>7</b>	<b>29</b>	<b>148</b>
27	BVĐK huyện Yên Thế	162			143	6	27	
28	TTYT huyện Yên Thế	32		132	28	1	0	129
29	TT Dân số huyện Yên Thế	6		21	6		2	19

## 2.2. Thực trạng nhân lực lãnh đạo đơn vị và Lãnh đạo các khoa, phòng

### a) Lãnh đạo các đơn vị:

Huyện /TP	Tên đơn vị	Số lượng Giám đốc	Số lượng Phó Giám đốc	Ghi chú
Sơn Động	BVĐK huyện	01	01	
	TTYT	01	2	
	TTDS- KHHGD	1	0	
Lục Ngạn	BVĐKKV	01	02	GD BV nghỉ hưu t11/2018
	TTYT	01	02	
	TTDS- KHHGD	1	0	
Lục Nam	BVĐK	01	02	
	TTYT	01	01	
	TTDS- KHHGD	1	1	
Lạng Giang	BVĐK	01	01	
	TTYT	01	02	
	TTDS- KHHGD	0	1	
Yên Dũng	BVĐK	01	01	
	TTYT	01	02	
	TTDS- KHHGD	1	2	
Yên Thế	BVĐK	01	02	
	TTYT	01	02	
	TTDS- KHHGD	0	01	
Tân Yên	BVĐK	01	02	
	TTYT	01	01	
	TTDS- KHHGD	0	01	

Hiệp Hòa	BVĐK	01	02	
	TTYT	01	01	
	TTDS- KHHGD	01	01	
Việt Yên	BVĐK	01	01	
	TTYT	01	02	
	TT DS- KHHGD	01	01	
TP Bắc Giang	TTYT	01	01	
	TTDS- KHHGD	01	01	

b) *Lãnh đạo các khoa, phòng*: Mỗi khoa, phòng có 01 cấp trưởng và từ 01 đến 02 cấp phó. Tại các khoa lâm sàng có 01 điều dưỡng trưởng khoa và tương đương.

( Có phụ lục kèm theo)

### **2.3. Cơ cấu trình độ chuyên môn của công chức, viên chức, lao động**

Trong tổng số 1948 công chức, viên chức, lao động hợp đồng 68 của các đơn vị ( Không bao gồm tuyến xã), có 547 bác sĩ, chiếm tỷ lệ 28%; Số DS Đại học: 56, số đại học khác là 377 ( điều dưỡng, hộ sinh, y tế công cộng, xét nghiệm...) chiếm tỷ lệ 19,3%; còn lại là cao đẳng, trung học và trình độ khác

( Có phụ lục chi tiết kèm theo)

## **II. Thực trạng về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện làm việc**

### **1. Cơ sở hạ tầng:**

Diện tích đất các bệnh viện từ 12.000 m<sup>2</sup> đến trên 40.000 m<sup>2</sup>, với diện tích đất xây dựng từ trên 5.000 m<sup>2</sup> đến trên 12.000 m<sup>2</sup>.

Các TTYT có cơ sở hạ tầng riêng, có diện tích đất từ 747m<sup>2</sup> ( TTYT TP Bắc Giang) đến 5000m<sup>2</sup> ( TTYT Yên Dũng và TTYT Việt Yên), với diện tích xây dựng từ 687m<sup>2</sup> đến 1.500m<sup>2</sup>

Khoảng cách giữa BVĐK tuyến huyện và TTYT từ từ 0.5km – 6 km ( xa nhất là huyện Hiệp hòa)

Hầu hết các TTYT Dân số - KHHGD đều nằm trong khuôn viên của UBND huyện, hoặc được bố trí ghép với các đơn vị khác của UBND huyện.

Các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện và TTYT huyện, thành phố đều có cơ sở riêng, cơ bản đáp ứng được yêu cầu để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên

môn của các lĩnh vực y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, công tác dân số, KHHGD và các dịch vụ y tế khác ( trừ TTYT huyện Lục nam cơ sở hạ tầng đang xuống cấp và đang trong quá trình khảo sát, xây dựng)

*( Có phụ lục kèm theo)*

## **2.Các trang thiết bị, phương tiện làm việc:**

Hiện tại các đơn vị tuyến huyện có 06 xe ô tô con đang sử dụng và 21 xe ô tô cứu thương, trong đó có 04 xe cứu thương đã hết niên hạn sử dụng.

Trang thiết bị, phương tiện làm việc của 03 đơn vị cơ bản đầy đủ và đã đáp ứng được yêu cầu để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các lĩnh vực y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, công tác dân số, KHHGD và các dịch vụ y tế khác

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

## **III- Thực trạng về tài chính**

### *1. Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện/thành phố*

a) Cơ chế tài chính:Là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

b) Nguồn thu:

- Nguồn thu từ ngân sách Nhà nước.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

### *2. Trung tâm y tế các huyện/Thành phố*

a) Cơ chế tài chính: Là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

b) Nguồn thu: - Nguồn thu từ ngân sách Nhà nước.

- Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ y tế dự phòng.

- Nguồn thu từ phí, lệ phí y tế dự phòng được để lại chi theo quy định.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

### *3. Bệnh viện đa khoa khu vực Lục Ngạn và BVĐK các huyện*

a) Cơ chế tài chính:Là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

b) Nguồn thu: - Nguồn thu từ ngân sách Nhà nước.

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Nguồn thu từ dịch vụ xã hội hóa, dịch vụ khác.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

*Thực trạng thu, chi ( có phụ lục kèm theo)*

## **Phần III**

### **NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP**

#### **I-NỘI DUNG**

**1-Mục tiêu:** Thành lập trung tâm y tế đa chức năng huyện, thành phố trên cơ sở sáp nhập BVĐK , TTYT với TT Dân số - KHHGĐ trên địa bàn huyện, thành phố nhằm tinh giản đầu mối, thống nhất nhiệm vụ, thực hiện có hiệu quả công tác cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

**2. Yêu cầu:** Đảm bảo khi Trung tâm Y tế mới được thành lập, việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện các đơn vị đang triển khai thực hiện không bị gián đoạn, xáo trộn; sau sắp xếp, kiện toàn lại hoạt động hiệu quả hơn, quyền lợi của người lao động được đảm bảo. Việc giải quyết chế độ, chính sách, bộ máy, nhân sự đúng quy định của luật pháp.

**3. Tên gọi:** Trung tâm y tế huyện , thành phố. ( Viết tắt là TTYT huyện, thành phố). Có 10 TTYT huyện, thành phố, tên cụ thể như sau:

- 3.1. TTYT huyện Sơn Động ( Sơn Động District Health Center);
- 3.2. TTYT huyện Lục Ngạn ( Lục Ngạn District Health Center)
- 3.3. TTYT huyện Lục Nam (Lục Nam District Health Center)
- 3.4. TTYT Huyện Yên Dũng (Yên Dũng District Health Center)
- 3.5. TTYT huyện Lạng Giang (Lạng Giang District Health Center)
- 3.6. TTYT huyện Yên Thế (Yên Thế District Health Center)
- 3.7. TTYT huyện Hiệp Hòa (Hiệp Hòa District Health Center)
- 3.8. TTYT huyện Tân Yên (Tân Yên District Health Center)
- 3.9. TTYT huyện Việt Yên (Việt Yên District Health Center)
- 3.10. TTYT Thành phố Bắc Giang (Bắc Giang City Health Center)

**4.Trụ sở làm việc:** mỗi đơn vị có 02 đến 03 trụ sở làm việc

- Trụ sở chính ( thứ nhất) đặt tại BVĐK tuyến huyện;  
- Trụ sở thứ 2: đặt tại TTYT huyện, thành phố ( Chuyên địa điểm của Trung tâm dân số về TTYT huyện, thành phố).

- Riêng TTYT huyện: Lục Nam, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Ngạn có thêm trụ sở thứ 3: đặt tại TT Dân số - KHHGĐ

## **5. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và xếp hạng**

### **5.1. Vị trí pháp lý:**

Trung tâm Y tế huyện, thành phố là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Y tế chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Sở Y tế; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương.

**5.2. Xếp hạng:** Xếp hạng II đối với Trung tâm y tế huyện; riêng TTYT thành phố Bắc Giang xếp hạng III.

**5.3. Chức năng và phạm vi hoạt động:** Trung tâm Y tế huyện, thành phố có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật. TTYT huyện, thành phố hoạt động trên địa bàn huyện, thành phố và các vùng lân cận.

### **5.4. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Thực hiện các hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân.

2. Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

3. Thực hiện các hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

4. Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được

chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyên tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

5. Thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

7. Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

8. Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn, y tế thôn, khu phố và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn huyện.

9. Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế thôn, khu phố và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, dân số và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

11. Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

12. Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm y tế theo quy định của pháp luật.



13. Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

14. Thực hiện chế độ thông kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

## **6. Cơ cấu tổ chức, biên chế và số lượng người làm việc**

### **6.1. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, thành phố:**

a) Trung tâm y tế huyện : Gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc (*Do sáp nhập, số lượng cấp phó của các Trung tâm y tế huyện có thể cao hơn quy định. Trong thời hạn tối đa 3 năm (36 tháng) kể từ ngày sáp nhập, Sở Y tế có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại đảm bảo mỗi Trung tâm có số Phó Giám đốc theo quy định*).

b) Các Phòng chức năng thuộc Trung tâm y tế huyện

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Điều dưỡng – Công tác xã hội;
- Phòng Dân số và Truyền thông.
- Phòng quản lý chất lượng và chỉ đạo tuyến.

\*Riêng TTYT Thành phố có 02 phòng: Phòng Hành chính – Tổng hợp và Phòng Dân số và truyền thông

c) Các khoa chuyên môn thuộc Trung tâm y tế huyện

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS ( Bao gồm cơ sở điều trị methadone)
- Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng;
- Khoa An toàn thực phẩm;
- Khoa Sản phụ khoa và Chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- Khoa Khám bệnh đa khoa;
- Khoa Hồi sức cấp cứu;

- Khoa Nội tổng hợp;
- Khoa Ngoại tổng hợp;
- Khoa Nhi;
- Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng;
- Khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng);
- Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- Khoa Truyền nhiễm;
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Khoa Xét nghiệm
- Khoa Chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng
- Phòng khám đa khoa khu vực ( nếu có).

Căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng huyện, Giám đốc Sở Y tế quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, chia tách, lồng ghép các phòng, khoa chuyên môn thuộc Trung tâm y tế huyện; quy định nhiệm vụ cụ thể của các khoa, phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 37/2016/TT-BYT và các khoa, phòng khác (nếu có) bảo đảm triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật.

*( Có mô hình tổ chức từng đơn vị kèm theo)*

\* Riêng TTYT Thành phố Bắc Giang có 04 khoa:

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS ( Bao gồm cơ sở điều trị methadone)
- Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng;
- Khoa An toàn thực phẩm;
- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh Sản;

*d) Lãnh đạo khoa, phòng gồm có Trưởng khoa, phòng và có từ 01- 02 Phó Trưởng khoa, phòng; điều dưỡng trưởng khoa và tương đương ( ở các khoa lâm sàng)*

e) Trạm y tế cấp xã là đơn vị thuộc Trung tâm y tế: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Mỗi TYT cấp xã có 01 Trạm trưởng và 01 Phó trạm trưởng.

**Viên chức dân số cấp xã làm việc tại UBND cấp xã**, chức năng nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - KHHGD ở địa phương.

## **7. Kinh phí và cơ chế tài chính**

### **7.1 Cơ chế tài chính:**

Trung tâm y tế là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **7.2 Các nguồn thu:**

a) Nguồn ngân sách Nhà nước để bảo đảm chi các hoạt động sau:

- Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các chế độ khác cho cán bộ công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực: Dân số - KHHGD, y tế dự phòng; phòng khám đa khoa khu vực; viên chức trạm y tế xã/phường/thị trấn (bao gồm cả viên chức dân số xã/phường/thị trấn);

- Chi phụ cấp y tế thôn bản, tổ dân phố, cán bộ chuyên trách, cộng tác viên chương trình phòng chống HIV/AIDS, cộng tác viên dân số.

- Chi thường xuyên đối với các lĩnh vực: Dân số - KHHGD; y tế dự phòng; phòng khám đa khoa khu vực. Trên cơ sở số lượng cán bộ làm và định mức phân bổ dự toán theo quy định tại Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND.

- Chi thường xuyên của trạm y tế xã/phường/thị trấn: 40 triệu/trạm/năm.

- Hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Chi đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Chi cho các nhiệm vụ không thường xuyên: Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất khác.

b) Nguồn thu từ phí, lệ phí được để lại chi theo quy định;

c) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ khám, chữa bệnh, y tế dự phòng;

d) Nguồn thu từ dịch vụ xã hội hóa, dịch vụ khác;

đ) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

e) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

## **II-CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1- Giải pháp về nhân lực:**

#### **1.1. Biên chế và số lượng người làm việc**

a) **Về biên chế:** Chuyển giao nguyên trạng chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao năm 2018 của các đơn vị sáp nhập về TTYT huyện, thành phố, cụ thể:

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao 2018	
		Biên chế khối BV, TTYT, TTDS	Biên chế cấp xã
<b>I-</b>	<b>HUYỆN SƠN ĐỘNG</b>	<b>185</b>	<b>157</b>
27	BVĐK huyện Sơn động	144	
28	TTYT huyện Sơn động	35	134
29	TT Dân số huyện Sơn động	6	23
<b>II-</b>	<b>HUYỆN LỤC NGẠN</b>	<b>295</b>	<b>237</b>
30	BVĐK KV Lục Ngạn	251	
31	TTYT huyện Lục Ngạn	38	207
32	TT Dân số huyện Lục Ngạn	6	30
<b>III-</b>	<b>HUYỆN LỤC NAM</b>	<b>224</b>	<b>229</b>
33	BVĐK huyện Lục Nam	181	
34	TTYT huyện Lục Nam	37	202
35	TT Dân số huyện Lục Nam	6	27
<b>IV-</b>	<b>HUYỆN LẠNG GIANG</b>	<b>204</b>	<b>204</b>
36	BVĐK huyện Lạng Giang	162	
37	TTYT huyện Lạng Giang	36	181
38	TT Dân số huyện Lạng Giang	6	23
<b>V-</b>	<b>HUYỆN YÊN DŨNG</b>	<b>224</b>	<b>156</b>
39	BVĐK huyện Yên Dũng	182	
40	TTYT huyện Yên Dũng	36	135
41	TT Dân số huyện Yên Dũng	6	21
<b>VI-</b>	<b>HUYỆN VIỆT YÊN</b>	<b>218</b>	<b>148</b>
42	BVĐK huyện Việt Yên	175	
43	TTYT huyện Việt Yên	36	129
44	TT Dân số huyện Việt Yên	6	19
<b>VII-</b>	<b>HUYỆN TÂN YÊN</b>	<b>228</b>	<b>187</b>
45	BVĐK huyện Tân Yên	185	
46	TTYT huyện Tân Yên	37	163
47	TT Dân số huyện Tân Yên	6	24
<b>VIII-</b>	<b>THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>	<b>37</b>	<b>116</b>
48	TTYT TP. Bắc Giang	31	100

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao 2018	
		Biên chế khối BV, TTYT, TTDS	Biên chế cấp xã
49	TT Dân số TP. Bắc Giang	6	16
<b>IX</b>	<b>HUYỆN HIỆP HÒA</b>	<b>241</b>	<b>228</b>
50	BVĐK huyện Hiệp Hòa	197	
51	TTYT huyện Hiệp Hòa	38	202
52	TT Dân số huyện Hiệp Hòa	6	26
<b>X</b>	<b>HUYỆN YÊN THẾ</b>	<b>200</b>	<b>153</b>
27	BVĐK huyện Yên Thế	162	
28	TTYT huyện Yên Thế	32	132
29	TT Dân số huyện Yên Thế	6	21

***b) Về số lượng người làm việc:***

**Đối với khối BVĐK, TTYT, TT Dân số - KHHGD:** chuyển nguyên trạng số hợp đồng 68/NĐ-CP và số công chức, viên chức của các đơn vị sáp nhập về Trung tâm y tế huyện, thành phố.

Không tiếp nhận số hợp đồng lao động do đơn vị tự ký. Riêng đối với các đối tượng ký hợp đồng chuyên môn, hợp đồng công việc trong bộ phận xã hội hóa tại các Bệnh viện, lãnh đạo TTYT đa chức năng có thể xem xét, quyết định có hoặc không tiếp tục ký hợp đồng lao động.

**Đối với tuyến xã:** Chuyển nguyên trạng viên chức TYT và dân số xã, phường, thị trấn các đơn vị sáp nhập về TTYT huyện, thành phố ( bao gồm số cán bộ y tế xã hợp đồng theo Quyết định 58/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đang đợi tuyển vào viên chức theo NĐ 117/2015/NĐ-CP và cán bộ Dân số - KHHGD xã đã hợp đồng từ năm 2012 trở về trước , đủ điều kiện theo Quyết định số 79/2012/QĐ-UBND ngày 3/4/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang).

Không tiếp nhận đối tượng khác.

Tại các xã còn thiếu cán bộ dân số do chưa tuyển mới, tạm thời giao cho TYT xã bố trí người phụ trách.

Hàng năm, số lượng người làm việc của Trung tâm y tế huyện, thành phố được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của các tổ chức trực thuộc và nằm trong tổng số người làm việc của Ngành Y tế được HĐND, UBND tỉnh phê duyệt và giao hàng năm.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Trung tâm Y tế huyện xây dựng đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc, báo cáo Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **1.2. Giải pháp về sắp xếp công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý**

#### **a) Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm y tế:**

Thực hiện theo quy trình điều động và bổ nhiệm, cụ thể:

- Giám đốc Trung tâm Y tế: Căn cứ năng lực quản lý, điều hành, trình độ chuyên môn.. Tập thể Lãnh đạo Sở Y tế xem xét, lựa chọn 01 trong 02 đồng chí giám đốc BVĐK và giám đốc TTYT ( 01 chức năng) thống nhất quyết định bổ nhiệm, hoặc điều động từ nơi khác về theo phân cấp quản lý cán bộ (và sau khi thỏa thuận với Sở Nội vụ, huyện ủy thành ủy theo quy định) và là người nhận bàn giao Trung tâm Y tế.

- Phó Giám đốc Trung tâm Y tế:

+ Giám đốc Bệnh viện Đa khoa, Giám đốc Trung tâm Y tế (01 chức năng) nếu không được bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Y tế thì sẽ bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Y tế.

+ Phó Giám đốc Bệnh viện tuyến huyện, Phó Giám đốc Trung tâm Y tế (01 chức năng) sẽ xem xét bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Y tế.

*Giai đoạn mới sáp nhập số lượng cấp phó của các Trung tâm y tế huyện có thể cao hơn quy định. Trong thời hạn tối đa 3 năm (36 tháng) kể từ ngày sáp nhập Sở Y tế có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại đảm bảo mỗi Trung tâm có không quá số cấp Phó Giám đốc theo quy định).*

#### **Cụ thể dự kiến số lượng lãnh đạo TTYT**

<b>Huyện /TP</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Giám đốc</b>	<b>Phó Giám đốc</b>	<b>Dự kiến số LĐ Đơn vị Mới</b>	<b>Ghi chú</b>
Sơn Động	BVĐK huyện	01	01	GD: 01	Năm 2019 có 01 đ/c nghỉ hưu
	TTYT	01	2	PGD: 04	
Lục Ngạn	BVĐKKV	01	02	GD: 01	GD BV nghỉ

	TTYT	01	02	PGĐ: 05	hưu T11/2018
Lục Nam	BVĐK	01	02	GĐ: 01	Hết năm 2019: 02 đ.c nghỉ hưu
	TTYT	01	01	PGĐ: 04	
Lạng Giang	BVĐK	01	01	GĐ: 01	
	TTYT	01	02	PGĐ: 04	
Yên Dũng	BVĐK	01	01	GĐ: 01	Năm 2019, 01 đ/c nghỉ hưu
	TTYT	01	02	PGĐ: 04	
Yên Thế	BVĐK	01	02	GĐ: 01	
	TTYT	01	02	PGĐ: 05	
Việt Yên	BVĐK	01	01	GĐ: 01	
	TTYT	01	02	PGĐ: 04	
Tân Yên	BVĐK	01	02	GĐ: 01	
	TTYT	01	01	PGĐ: 04	
Hiệp Hòa	BVĐK	01	02	GĐ: 01	Năm 2020, 02 đ/c nghỉ hưu
	TTYT	01	01	PGĐ: 04	
TP Bắc Giang	TTYT	01	01	GĐ: 01 PGĐ: 01	

**b) Với các chức danh trưởng, phó các khoa, phòng của TTYT cấp huyện**

Giao cho Lãnh đạo TTYT cấp huyện xem xét, giới thiệu bổ nhiệm trên nguyên tắc:

- Cấp trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, dược, trang thiết bị y tế và phòng tài chính kế toán: Lấy nhân lực khối Bệnh viện làm nòng cốt;

- Cấp trưởng khoa hệ dự phòng: VSATTP, Kiểm soát dịch bệnh, HIV/AIDS: lấy nhân lực TTYT (một chức năng) làm nòng cốt;

- Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm dân số - KHHGĐ được xem xét, bổ trí vào vị trí trưởng phòng, phó trưởng phòng Dân số - Truyền thông

- Cấp trưởng các phòng: tổ chức, hành chính.....xem xét các yếu tố: trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thâm niên công tác, độ tuổi (ưu tiên những người còn ít nhất 01 nhiệm kỳ)...để bổ nhiệm.

- Cấp phó các khoa, phòng: những đồng chí cấp trưởng khoa, phòng khi sáp nhập không được bổ nhiệm làm trưởng thì bổ nhiệm cấp phó, các đồng chí cấp phó tiếp tục được bổ nhiệm làm phó khoa, phòng ở đơn vị mới. Mỗi khoa, phòng không quá 02 cấp phó. *Giai đoạn mới sáp nhập số lượng cấp phó của các khoa, phòng có thể cao hơn quy định. Trong thời hạn tối đa 3 năm (36 tháng) kể từ ngày sáp nhập, hợp nhất đơn vị phải có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại đảm bảo mỗi khoa, phòng của Trung tâm không quá 02 cấp Phó.*

- Điều dưỡng trưởng, kỹ thuật viên trưởng và tương đương: giữ nguyên trạng.

\*Tất cả các đối tượng được bổ nhiệm phải đảm bảo tiêu chuẩn bổ nhiệm của Tỉnh và của Ngành. Độ tuổi bổ nhiệm khi sáp nhập không tính theo độ tuổi bổ nhiệm lần đầu.

\* Các trường hợp đang giữ chức vụ quản lý hưởng phụ cấp chức vụ ở các đơn vị hiện tại được hưởng nguyên phụ cấp chức vụ cho đến khi được bổ nhiệm vào vị trí mới; trường hợp bổ nhiệm vào vị trí mới có hệ số phụ cấp chức vụ thấp hơn cho bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trước là 6 tháng; trường hợp không bố trí được vào chức danh quản lý mới thì được bảo lưu hưởng nguyên phụ cấp chức vụ đang hưởng tối thiểu 6 tháng hoặc cho đến khi hết thời hạn theo Quyết định bổ nhiệm hiện có.

## **2. Giải pháp về tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc**

2.1. Về nhà, đất: Chuyển nguyên trạng đất đai, nhà cửa các đơn vị sáp nhập về Trung tâm y tế tuyến huyện.

Mỗi TTYT huyện có 02 - 03 cơ sở làm việc

- Trụ sở chính: đặt tại Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, bố trí các bộ phận của khối khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng và các bộ phận cận lâm sàng, dược.

- Trụ sở 2: đặt tại TTYT ( 01 chức năng): Bố trí khoa, phòng của khối dự phòng ( bao gồm cơ sở điều trị methadol), phòng Dân số - Truyền thông.

- Riêng các huyện Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam và Lục Ngạn có trụ sở 03: gồm TT Dân số - KHH gia đình ( các huyện trên có trụ sở TT Dân số -



KHHGD độc lập, đề nghị UBND huyện ban giao nguyên trạng đất và tài sản trên đất )

- Căn cứ vào diện tích, số phòng thực tế sử dụng, khoảng cách của các trụ sở của từng huyện để bố trí các phòng chức năng, các bộ phận quản lý, phục vụ với số lượng người ...cho phù hợp, đảm bảo thuận lợi nhất cho đơn vị khi đi vào hoạt động.

\* Riêng TTYT thành phố Bắc Giang có 01 trụ sở làm việc đặt tại TTYT Thành phố Bắc Giang ( 01 chức năng), chuyển nguyên trạng TT Dân số - KHHGD thành phố về TTYT Thành phố Bắc Giang.

## *2.2. Giải pháp về tài chính, trang thiết bị , tài sản:*

Chuyển giao nguyên trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, tài sản ( bao gồm cả xe ô tô) và các nội dung liên quan của các đơn vị sáp nhập về Trung tâm y tế để đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm.

Chuyển toàn bộ, nguyên trạng trang thiết bị xét nghiệm của TTYT ( 01 chức năng) về khoa xét nghiệm của Bệnh viện để tập trung các nguồn lực ( Trừ TTYT Thành phố Bắc Giang);

Các thiết bị gắn trên tường của TT Dân số - KHHGD như: quạt trần, điều hòa.. khi chuyển trụ sở bàn giao cho UBND huyện, thành phố.

## **III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

### **1. Lộ trình thực hiện**

#### **1.1. Tháng 8/2018:**

- Xây dựng dự thảo đề án, xin ý kiến Lãnh đạo Sở, các đơn vị có liên quan
- Xin ý kiến UBND các huyện, thành phố, các ngành có liên quan.

#### **1.2.Tháng 9/2018:**

- Chính sửa, tổng hợp ý kiến UBND các huyện, thành phố, các ngành, hoàn thiện Đề án

- Sở Y tế phối hợp với Sở Nội vụ, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập các Trung tâm y tế.

#### **1.3. Tháng 10/2018**

- Sở Y tế phối hợp với Sở Nội vụ, các đơn vị thống nhất tổ chức bộ máy các khoa, phòng trực thuộc Trung tâm y tế. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Khoa, phòng

- Làm hồ sơ, quy trình điều động, bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị. Hướng dẫn các đơn vị làm hồ sơ, quy trình điều động, bổ nhiệm các chức danh Cấp trưởng, cấp phó các khoa, phòng.

- Rà soát, kiểm kê nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động của các đơn vị.

- Xây dựng dự toán kinh phí và kế hoạch triển khai hoạt động năm 2019 của các Trung tâm y tế.

- Chuẩn bị trụ sở làm việc, cải tạo, sửa chữa những hạng mục cần thiết; lắp đặt trang thiết bị .

**1.4. Tháng 11/2018:** TTYT huyện, thành phố (đa chức năng) chính thức đi vào hoạt động.

## **2- Đề xuất kiến nghị**

2.1. Đề nghị UBND tỉnh Quan tâm, theo dõi việc thực hiện Đề án, trực tiếp chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

- Cho phép các đơn vị cũ được sử dụng con dấu, tài khoản hết tháng 12/2018 để thuận lợi trong quyết toán tài chính năm và giải quyết tồn đọng của đơn vị .

- Hỗ trợ kinh phí để ổn định khi Trung tâm mới thành lập: Năm 2018 đề nghị UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí không thường xuyên cho Trung tâm Y tế với 02 nội dung:

+ Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung một số thiết bị văn phòng;

+ Thuê mướn tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị, sửa chữa mạng thông tin liên lạc bảo đảm hoạt động của đơn vị mới.

2.2. Với các Sở, ban ngành, UBND các huyện:

- Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế sớm trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đảm bảo đúng tiến độ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí, sắp xếp, giải quyết nhân lực theo thẩm quyền.

- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Y tế tham mưu đề xuất với UBND tỉnh đưa vào kế hoạch và cấp kinh phí hỗ trợ việc thực hiện Đề án. Quản lý, điều chuyển, thanh lý tài sản theo đúng quy định.

- UBND các huyện, thành phố, các sở, ban ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hỗ trợ, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Y tế triển khai thực hiện tốt Đề án.

## **Phần IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện theo điều 13 của Thông tư 37/2016/TT-BYT.

2. Sở Y tế là cơ quan đầu mối phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND huyện theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Đề án khi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chỉ đạo các phòng chức năng và các đơn vị thực hiện sáp nhập, tham mưu và triển khai tốt các nhiệm vụ theo lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

- Phòng Tổ chức cán bộ: Tham mưu xây dựng phương án để bổ nhiệm lãnh đạo của các Trung tâm Y tế huyện; tham mưu, chỉ đạo các Trung tâm Y tế huyện xây dựng đề án sắp xếp nhân lực, quy định nhiệm vụ cụ thể và bổ nhiệm các Trưởng, Phó Trưởng khoa/Phòng theo thẩm quyền quy định. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng hoàn thiện nội quy, quy chế làm việc và các quy định có liên quan bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức; chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, nhằm bảo đảm cho hoạt động của cơ quan có chất lượng, hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

- Các phòng: Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu và chỉ đạo các Trung tâm Y tế huyện thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, cung ứng thuốc, vật tư, vắc xin, hóa chất... để phục vụ cho công tác điều trị và phòng, chống dịch bệnh. Chi cục Dân số - KHHGD theo chức năng nhiệm vụ tham mưu cho Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố và chỉ đạo các TT Dân số - KHHGD huyện, thành phố yên tâm công tác, đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động về công tác dân số - KHHGD trước và sau khi sáp nhập.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu và chỉ đạo các Trung tâm Y tế huyện xây dựng kế hoạch, phương án sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, vận chuyển, lắp đặt, lập dự trù kinh phí để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung.

3. Các đơn vị thực hiện tổ chức và sáp nhập: Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng cho đội ngũ viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý; chủ động phối hợp xây dựng các phương án sử dụng nguồn lực, đề án vị trí việc làm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tổ chức thực hiện việc tổ chức lại, sáp nhập cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành.

Trên đây là đề án thành lập Trung tâm y tế cấp huyện đa chức năng trực thuộc Sở Y tế. Sở Y tế trân trọng báo cáo và đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt./.

**GIÁM ĐỐC**

**Ong Thế Viên**

Phụ lục:

**THỰC TRẠNG KHOA/PHÒNG THUỘC TUYẾN HUYỆN**

<b>Đơn vị</b>	<b>Số khoa/phòng</b>	<b>Tên khoa/phòng</b>	<b>Quyết định</b>
<b>Huyện Sơn Động</b>			
BVĐK			94/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	13	Phòng Tổ chức hành chính	903/QĐ-TCCB ngày 01/11/2006
		Phòng Tài chính kế toán	
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	444/QĐ-TCCB ngày 8/5/2013
		Phòng Điều dưỡng	
		Khoa Ngoại tổng hợp	498/QĐ-SYT ngày 29/5/2013
		Khoa Phụ Sản	
		Khoa Nội Lây	903/QĐ-TCCB ngày 01/11/2006
		Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	
		Khoa YHCT-PHCN	
		Khoa Khám bệnh	
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Xét nghiệm	
		Khoa Dược - TTB	
		Khoa Chống nhiễm khuẩn	
TTYT			
	4	Phòng Hành chính tổng hợp	193/QĐ-SYT ngày 24/3/2006
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh - HIV/AIDS, xét nghiệm	
		Khoa Y tế công cộng - vệ sinh thực phẩm	
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
<b>Huyện Lục Ngạn</b>			
BVĐK			262/QĐ-UB ngày 31/12/2002
	21	Phòng Tổ chức hành chính	123/TCCB ngày 5/6/2003
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	

		Phòng Tài chính kế toán	
		Phòng Điều dưỡng	
		Phòng Quản lý chất lượng	438/QĐ-SYT ngày 01/02/2016
		Khoa Khám bệnh	123/TCCB ngày 5/6/2003
		Khoa Ngoại	
		Khoa Phụ Sản	
		Khoa Liên chuyên khoa	
		Khoa Hồi sức cấp cứu	123/TCCB ngày 5/6/2003
		Khoa Nhi	123/TCCB ngày 5/6/2003
		Khoa Nội	
		Khoa Truyền nhiễm	
		Khoa Y học cổ truyền - PHCN	
		Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
		Khoa Xét nghiệm	
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng	
		Khoa Dược	
		PHKĐKKV Tân Sơn	
		Khoa Dinh dưỡng tiết chế	12/QĐ-BVĐKKV ngày 10/01/2014
TTYT			407/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
	5	Phòng Hành chính tổng hợp	
		Khoa Y tế công cộng	
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh- HIV/AIDS	
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm - Xét nghiệm	

<b>Huyện Lục Nam</b>			
BVĐK			95/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	18	Phòng Tổ chức hành chính	287/SYT-TCCB ngày 24/4/2006
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	
		Phòng kế toán tài chính	
		Phòng Điều dưỡng	1408/QĐ-SYT ngày 9/11/2011
		Khoa Dược -Vật tư TTBYT	284/SYT-TCCB ngày 24/4/2006
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	907/QĐ-SYT ngày 5/8/2014
		Khoa Xét nghiệm	708/QĐ-SYT ngày 11/5/2018
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng	
		Khoa Liên chuyên khoa	
		Khoa Khám bệnh	287/SYT-TCCB ngày 24/4/2006
		Khoa Ngoại	
		Khoa Sản	
		Phòng Khám đa khoa Mai Suu	
		Khoa Nhi	906/QĐ-SYT ngày 5/8/2014
		Khoa Hồi sức cấp cứu	
		Khoa Nội	562/QĐ-SYT ngày 4/5/2017
		Khoa YHCT-PHCN	
		Khoa Truyền nhiễm	
TTYT			101/QĐ-UB ngày 6/12/2005; 398/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
	5	Phòng Hành chính tổng hợp - TT GDSK	
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh	
		Khoa Y tế công cộng	
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	



<b>Huyện Lạng Giang</b>			
BVĐK			96/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	15	Phòng Tổ chức hành chính	282/SYT-TCCB ngày 21/4/2006
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	
		Phòng kế toán tài chính	
		Phòng Điều dưỡng	840/QĐ-SYT ngày 16/6/2011
		Khoa Khám bệnh	282/SYT-TCCB ngày 21/4/2006
		Khoa Đông y	
		Khoa Nội Lâm	
		Khoa Ngoại	
		Khoa Phụ Sản	
		Khoa Dược	
		Khoa Hồi sức cấp cứu	670/QĐ-SYT ngày 01/6/2017
		Khoa Nhi	
		Khoa Xét nghiệm	
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	474/QĐ-SYT ngày 22/5/2013
TTYT			99/QĐ-UB ngày 6/12/2005; 403/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
	5	Phòng Hành chính tổng hợp	
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh - HIV/AIDS	
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
		Khoa Y tế công cộng - Xét nghiệm	5848/QĐ-SYT ngày 25/8/2016
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	
<b>Huyện Yên Dũng</b>			
BVĐK			90/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	20	Phòng Hành chính tổ chức	166/SYT-TCCB
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	

		Phòng Tài chính kế toán	166/SYT-TCCB
		Phòng Điều dưỡng	581/QĐ-SYT ngày 19/5/2011
		Phòng Quản lý chất lượng	5630/QĐ-SYT ngày 27/7/2016
		Khoa Liên chuyên khoa	1540/QĐ-SYT ngày 4/12/2012
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng	226/QĐ-SYT ngày 7/02/2017
		Khoa Xét nghiệm	
		Khoa Khám bệnh	166/SYT-TCCB ngày 13/3/2006
		Khoa Dược	
		Khoa Ngoại tổng hợp	947/QĐ-SYT ngày 19/8/2015
		Khoa Phụ Sản	
		Khoa Phẫu thuật Gây mê hồi sức	1069/QĐ-SYT ngày 25/8/2017
		Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - chống độc	1819/QĐ-SYT ngày 12/12/2014
		Khoa Nhi	
		Khoa Nội tổng hợp	147/SYT-TCCB ngày 13/01/2009
		Khoa Truyền nhiễm	
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
		Khoa Y học cổ truyền	667/QĐ-SYT ngày 22/4/2016
		Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	
TTYT			106/QĐ-UB ngày 6/12/2005; 404/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
	7	Phòng Hành chính tổng hợp	194/SYT-TCCB
		Phòng TT GDSK	29/SYT-TCCB
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh-HIV/AIDS	
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	4049/QĐ-SYT
		Khoa Y tế công cộng	
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	194/SYT-TCCB
		Khoa Xét nghiệm	

<b>Huyện Việt Yên</b>			
BVĐK			91/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	19	Phòng Tổ chức cán bộ	1279/QĐ-SYT ngày 15/10/2015
		Phòng Hành chính quản trị	
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	191/SYT-TCCB ngày 24/3/2006
		Phòng kế toán tài chính	
		Phòng Điều dưỡng	1213/QĐ-SYT ngày 4/10/2010
		Khoa Khám bệnh	191/SYT-TCCB ngày 24/3/2006
		Khoa Chống nhiễm khuẩn	
		Khoa Dược	191/SYT-TCCB ngày 24/3/2006
		Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - chống độc	802/QĐ-SYT ngày 2/7/2014
		Khoa Nhi	
		Khoa Nội	
		Khoa Đông y	1279/QĐ-SYT ngày 15/10/2015
		Khoa Phục hồi chức năng	
		Khoa Truyền nhiễm	
		Khoa Liên chuyên khoa	1304/QĐ-SYT ngày 12/10/2011
		Khoa Ngoại	
		Khoa Sản	28/SYT-TCCB ngày 15/01/2008
		Khoa Xét nghiệm	
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
TTYT			105/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	7	Phòng Hành chính tổng hợp	224/SYT-TCCB ngày 10/4/2006
		Phòng Truyền thông	
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh	
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	
		Khoa Y tế công cộng	

		Khoa Xét nghiệm - bệnh xã hội	224/SYT-TCCB ngày 10/4/2006
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
<b>Huyện Tân Yên</b>			
BVĐK			92/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	20	Phòng Hành chính quản trị	679a/QĐ-SYT ngày 27/4/2016
		Phòng Tổ chức cán bộ	
		Phòng Tài chính kế toán	904/SYT-TCCB ngày 01/11/2016
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	
		Phòng Điều dưỡng	400/QĐ-SYT ngày 15/4/2011
		Phòng Quản lý chất lượng	4056/QĐ-SYT ngày 23/6/2016
		Phòng Vật tư - TTBYT	956/QĐ-SYT ngày 20/8/2015
		Khoa Ngoại sản	904/SYT-TCCB ngày 01/11/2016
		Khoa Khám bệnh	
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
		Khoa Liên chuyên khoa: Mắt - TMH- RHM	679a/QĐ-SYT ngày 27/4/2016
		Khoa Xét nghiệm	
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng	
		Khoa Truyền nhiễm	679a/QĐ-SYT ngày 27/4/2016
		Khoa Nội	
		Khoa YHCT-PHCN	339/QĐ-SYT ngày 15/4/2011
		Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - chống độc	956/QĐ-SYT ngày 20/8/2015
		Khoa Nhi	
		Khoa Dinh dưỡng	
		Khoa Dược	
TTYT			104/QĐ-UB ngày 6/12/2005; 400/QĐ-UBND ngày 6/4/2012

	5	Phòng Hành chính tổng hợp	
		Khoa Kiểm soát bệnh tật/HIV	289/QĐ-SYT ngày 25/4/2006
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
		Khoa Y tế công cộng và Xét nghiệm	5789/QĐ-SYT ngày 15/8/2016
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	
<b>Huyện Hiệp Hòa</b>			
BVĐK			97/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	18	Phòng Tài chính kế toán	190/SYT-TCCB ngày 24/3/2006
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	
		Phòng Tổ chức cán bộ	663/SYT-TCCB ngày 11/7/2013
		Phòng Hành chính quản trị	
		Phòng Điều dưỡng	58/BV-TCHC ngày 24/3/2011
		Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện	3987/SYT-TCCB ngày 3/6/2016
		Khoa Nội truyền nhiễm	
		Khoa Phụ Sản	
		Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	190/SYT-TCCB
		Khoa Khám bệnh	
		Khoa Đông y	
		Khoa Dược - TTBYT	
		Khoa Phục hồi chức năng	88/BV-BVTCHC ngày 26/4/2012
		Khoa Liên chuyên khoa	900/SYT-TCCB ngày 4/8/2015
		Khoa Ngoại tổng hợp	900/SYT-TCCB ngày 4/8/2016
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1230/SYT-TCCB ngày 7/11/2013
		Khoa Chẩn đoán hình ảnh	282/SYT-TCCB ngày 16/3/2015
		Khoa Xét nghiệm	
TTYT			98/QĐ-UB ngày 6/12/2005; 401/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
	5	Phòng Hành chính tổng hợp	225/SYT-TCCB ngày 10/4/2006

		Khoa Kiểm soát dịch bệnh - HIV	225/SYT-TCCB ngày 10/4/2006
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
		Khoa An toàn thực phẩm - Xét nghiệm	605/QĐ-SYT ngày 30/9/2016
		Khoa Y tế công cộng	
<b>Huyện Yên Thế</b>			
BVĐK			89/QĐ-UB ngày 6/12/2005
	18	Phòng Tài chính kế toán	46/ QĐ- SYT ngày 13/01/2011
		Phòng Kế hoạch tổng hợp	
		Phòng Tổ chức HCQT&TC	
		Phòng Điều dưỡng	
		Khoa xét nghiệm	6047/QĐ-SYT ngày 30/9/2016
		Khoa CĐHA-TDCN	
		Khoa Khám bệnh	604/QĐ -SYT ngày 26/5/2014
		Khoa Cấp cứu-HSTC-CĐ	271/QĐ - SYT ngày 12/3/2016
		Khoa Nhi	
		Khoa Ngoại Tổng hợp	
		Khoa Phụ - sản	
		Khoa Nội tổng hợp	
		Khoa Truyền nhiễm	
		Khoa YHCT & PHCN	
		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
		Khoa Khám bệnh theo yêu cầu	6046/QĐ-SYT ngày 30/9/2016
		Khoa Dược - TTB	606/SYT-TCCB ngày 07/7/2006
		Phòng khám ĐKKV Mỏ Trạng	
TTYT			107/QĐ-UB ngày 6/12/2005; 399/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
	5	Phòng Truyền thông - Hành chính tổng hợp	399/QĐ-UBND ngày 6/4/2012
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh, HIV/AIDS và Xét nghiệm	

		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	
		Khoa Y tế công cộng	4048/QĐ-SYT ngày 23/6/2016
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	4048/QĐ-SYT ngày 23/6/2017
<b>TP Bắc Giang</b>			
TTYT	5	Phòng HCTH-TT	486/SYT-TCCB ngày 1/6/2007
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	486/SYT-TCCB ngày 1/6/2007
		Khoa Kiểm soát dịch bệnh-	486/SYT-TCCB ngày 1/6/2007
		Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	5847/QĐ-SYT ngày 25/8/2016
		Khoa Y tế công cộng	

Phụ lục:

**THỰC TRẠNG SỐ LÃNH ĐẠO CẤP PHÒNG THUỘC TUYẾN HUYỆN**

TT	Huyện	Đơn vị	Lãnh đạo khoa/phòng		Điều dưỡng trung khoa và TĐ
			TK/phòng/GĐ TT DS	PTK/PTP/PGĐ TTDS	
1	SƠN ĐỘNG	BVĐK	11	10	6
		TTYT	4	4	
		<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	
2	LỤC NGẠN	BVĐK	19	16	13
		TTYT	4	3	
		<b>Tổng số</b>	<b>23</b>	<b>19</b>	<b>13</b>
3	LỤC NAM	BVĐK	11	12	11
		TTYT	4	5	
		<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>11</b>
4	LẠNG GIANG	BVĐK	8	12	9
		TTYT	4	6	
		<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>18</b>	<b>9</b>
5	YÊN DŨNG	BVĐK	15	23	
		TTYT	5	4	
		<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	<b>27</b>	<b>0</b>
6	VIỆT YÊN	BVĐK	13	12	
		TTYT	4	5	
		<b>Tổng số</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>0</b>
7	TÂN YÊN	BVĐK	14	13	10
		TTYT	3	3	
		<b>Tổng số</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>10</b>
8	YÊN THẾ	BVĐK	10	8	8
		TTYT	5	2	
		<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
9	HIỆP HÒA	BVĐK	14	20	10
		TTYT	3	5	
		<b>Tổng số</b>	<b>17</b>	<b>25</b>	<b>10</b>
10	TP BẮC GIANG	TTYT	4	3	
		<b>Tổng số</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>0</b>



## BIỂU THỐNG KÊ NHÀ, ĐẤT, Ô TÔ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TUYẾN HUYỆN

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Đất		Nhà		Ô tô				
		Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số ngôi	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Ô tô con		Ô tô cứu thương, ô tô tải		
						Số lượng	Chất lượng	Số lượng	Chất lượng	Hạn dùng (số năm còn được sử dụng)
1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Lục Ngạn	2	40,030	15	12,190	-		1	Đang hoạt động	17 năm; 19 năm
2	Bệnh viện đa khoa huyện Lục Nam	2	21,475	12	10,228	1	Đang hoạt động	2	1 chiếc hết hạn	16 năm
3	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng	1	11,851.90	14	7,005	1	Đang hoạt động	2	Đang hoạt động	5 năm; 16 năm
4	Bệnh viện đa khoa huyện Lạng Giang	1	21,541.10	17	5,872	-		1	Đang hoạt động	18 năm
5	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Yên	1	29,549	15	8,157			3	1 chiếc hết hạn	17 năm; 19 năm
6	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thế	2	16,859.60	19	8,007			2	Đang hoạt động	5 năm; 16 năm
7	Bệnh viện đa khoa huyện Hiệp Hòa	1	24,158	19	7,813	1	Đang hoạt động	2	Đang hoạt động	5 năm; 16 năm
8	Bệnh viện đa khoa huyện Việt Yên	1	28,192.50	13	2,768			2	Đang hoạt động	5 năm; 17 năm
9	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Động	1	18,498	18	5,235.67			2	1 chiếc hết hạn	14 năm
10	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang	1	747	2	685					
11	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam	1	2,000	1	515					
12	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	1	3,433	5	350			1	Đang hoạt động	20 năm
13	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	1	5,613	1	525	1	Đang hoạt động			
14	Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng	1	4,983	1	615	1	Đang hoạt động			
15	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	1	2,100	1	710			1	Đang hoạt động	15 năm
16	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	1	2,897	1	200			1	Đang hoạt động	15 năm
17	Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	1	1,900	1	416	1	Đang hoạt động			
18	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	1	5,000	2	1,510			1	Hết niên hạn	
19	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	1	1,337.60	1	1,000					

Phụ lục:

**THỰC TRẠNG NHÂN LỰC CỦA ĐƠN VỊ**

Huyện	Đơn vị	Biên chế giao 2018	Biên chế hiện có									Hợp đồng ngoài biên chế
			Tổng số	Trong đó								
				Chia theo trình độ chuyên môn						Chia theo biên chế		
				Bác sỹ	Dược sỹ đại học	Đại học khác	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	Công chức/viên chức	Hợp đồng 68/2000/NĐ-CP	
<b>TỔNG CHUNG</b>		<b>2056</b>	<b>1948</b>	<b>547</b>	<b>56</b>	<b>377</b>	<b>117</b>	<b>794</b>	<b>57</b>	<b>1868</b>	<b>80</b>	<b>121</b>
SƠN ĐÔNG	BVĐK	144	143	37	3	15	7	72	9	136	7	
	TTYT	35	34	11	1	2	0	19	1	33	1	
	TT DS - KHHGD	6	5			3	1	1		5		
	<b>Tổng</b>	<b>185</b>	<b>182</b>	<b>48</b>	<b>4</b>	<b>20</b>	<b>8</b>	<b>92</b>	<b>10</b>	<b>174</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
LỤC NGẠN	BVĐK	251	242	66	5	39	9	118	5	236	6	25
	TTYT	38	37	11	2	4	2	16	2	36	1	
	TT DS - KHHGD	6	5	1		3	1			5		
	<b>Tổng</b>	<b>295</b>	<b>284</b>	<b>78</b>	<b>7</b>	<b>46</b>	<b>12</b>	<b>134</b>	<b>7</b>	<b>277</b>	<b>7</b>	<b>25</b>

LỤC NAM	BVĐK	181	167	46	3	30	9	73	6	164	3	7
	TTYT	38	35	12	1	4	1	16	1	34	1	
	TT DS - KHHGD	6	6	1		2		3		6		
	<b>Tổng</b>	<b>225</b>	<b>208</b>	<b>59</b>	<b>4</b>	<b>36</b>	<b>10</b>	<b>92</b>	<b>7</b>	<b>204</b>	<b>4</b>	<b>7</b>
LẠNG GIANG	BVĐK	162	149	43	6	40	8	50	2	147	2	
	TTYT	36	34	10	2	4	1	15	2	32	2	
	TT DS - KHHGD	6	4			2		2		4		
	<b>Tổng</b>	<b>204</b>	<b>187</b>	<b>53</b>	<b>8</b>	<b>46</b>	<b>9</b>	<b>67</b>	<b>4</b>	<b>183</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
YÊN DŨNG	BVĐK	182	166	43	5	52	12	50	4	152	14	14
	TTYT	36	36	11		7	4	13	1	33	3	
	TT DS - KHHGD	6	6	1		4	1			6		
	<b>Tổng</b>	<b>224</b>	<b>208</b>	<b>55</b>	<b>5</b>	<b>63</b>	<b>17</b>	<b>63</b>	<b>5</b>	<b>191</b>	<b>17</b>	<b>14</b>
VIỆT YÊN	BVĐK	175	175	47	5	24	18	79	2	169	6	
	TTYT	36	36	9	2	11		13	1	35	1	
	TT DS - KHHGD	6	6			5	1			6		
	<b>Tổng</b>	<b>217</b>	<b>217</b>	<b>56</b>	<b>7</b>	<b>40</b>	<b>19</b>	<b>92</b>	<b>3</b>	<b>210</b>	<b>7</b>	<b>0</b>
YÊN THỀ	BVĐK	162	151	52	4	29	12	49	5	145	6	31

YÊN THẾ	TTYT	32	30	13	2	4	2	8	1	29	1	
	TT DS - KHHGD	6	6	2		4				6		
	<b>Tổng</b>	<b>200</b>	<b>187</b>	<b>67</b>	<b>6</b>	<b>37</b>	<b>14</b>	<b>57</b>	<b>6</b>	<b>180</b>	<b>7</b>	<b>31</b>
TÂN YÊN	BVĐK	185	173	48	5	38	12	61	9	166	7	
	TTYT	37	35	10	1	8	1	14	1	33	2	
	TT DS - KHHGD	6	5	1		3		1		5		
	<b>Tổng</b>	<b>228</b>	<b>213</b>	<b>59</b>	<b>6</b>	<b>49</b>	<b>13</b>	<b>76</b>	<b>10</b>	<b>204</b>	<b>9</b>	<b>0</b>
HIỆP HÒA	BVĐK	197	188	52	7	24	10	91	4	174	14	43
	TTYT	38	33	10	1	3	3	15	1	30	3	1
	TT DS - KHHGD	6	6	2		3		1		6		
	<b>Tổng</b>	<b>241</b>	<b>227</b>	<b>64</b>	<b>8</b>	<b>30</b>	<b>13</b>	<b>107</b>	<b>5</b>	<b>210</b>	<b>17</b>	<b>44</b>
TP BẮC GIANG	TTYT	31	30	8	1	7	1	13		30	0	
	TT DS - KHHGD	6	5			3	1	1		5		
	<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>35</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>